

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN VIỆT THẮNG

Địa chỉ : Lô 4-2 , Khu C, Khu Công nghiệp Sa Đéc

Thị xã Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại : (067) 3764 159

Fax : (067) 3763 488

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÍ 2 NĂM 2010

THÁNG 08 NĂM 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN VIỆT THẮNG



Mục lục

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2010

1. Mục lục	Trang 1
1. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2010:	Trang 2-5
2. Kết quả hoạt động kinh doanh quý 2 năm 2010:	Trang 6
3. Bảng lưu chuyển tiền tệ lũy kế đến quý 2 năm 2010:	Trang 7-8
4. Thuyết minh báo cáo tài chính quý 2 năm 2010:	Trang 9-27

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô 4 - 2, Khu C, Khu công nghiệp Sa Đéc, xã Tân Quy Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		633.312.774.548	493.605.104.917
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	13.599.044.817	48.234.894.031
1. Tiền	111		13.599.044.817	48.234.894.031
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		288.751.682.774	192.513.659.667
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	218.432.645.997	170.402.628.990
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	61.254.360.673	19.851.296.003
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	9.064.676.104	2.259.734.674
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		313.440.591.899	240.563.352.885
1. Hàng tồn kho	141	V.5	313.440.591.899	240.563.352.885
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.521.455.058	12.293.198.334
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	1.325.491.097	455.837.391
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		13.030.744.778	5.989.427.393
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		952.325.642	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	2.212.893.541	5.847.933.550

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô 4 - 2, Khu C, Khu công nghiệp Sa Đéc, xã Tân Quy Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		146.742.035.974	147.650.726.139
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		144.270.321.052	145.051.107.961
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	127.845.209.092	132.227.760.376
<i>Nguyên giá</i>	222		174.924.559.752	171.667.557.893
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(47.079.350.660)	(39.439.797.517)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	8.752.681.277	7.761.704.777
<i>Nguyên giá</i>	228		9.389.244.524	8.200.494.524
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(636.563.247)	(438.789.747)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	7.672.430.683	5.061.642.808
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.471.714.922	2.599.618.178
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	515.942.555	643.845.811
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	1.955.772.367	1.955.772.367
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		780.054.810.522	641.255.831.056

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô 4 - 2, Khu C, Khu công nghiệp Sa Đéc, xã Tân Quý Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		504.095.489.281	344.261.173.398
I. Nợ ngắn hạn	310		485.807.061.207	325.955.792.824
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	426.558.424.013	102.874.609.220
2. Phải trả người bán	312	V.14	42.169.306.252	163.077.100.472
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15	487.651.383	16.238.543.732
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	59.302.978	1.699.714.672
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316	V.17	6.332.134.133	26.186.964.897
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	8.167.337.652	15.878.859.831
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.032.904.796	-
II. Nợ dài hạn	330		18.288.428.074	18.305.380.574
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.19	17.795.383.474	17.795.383.474
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.20	493.044.600	509.997.100
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		275.959.321.241	296.994.657.658
I. Vốn chủ sở hữu	410		275.959.321.241	296.994.657.658
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.21	180.255.090.000	180.255.090.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	71.000.000.000	71.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		2.032.904.796	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.21	-	(537.779.112)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.21	6.610.486.360	4.577.581.564
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.21	16.060.840.085	41.699.765.206
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		780.054.810.522	641.255.831.056

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT THĂNG

Địa chỉ: Lô 4 - 2, Khu C, Khu công nghiệp Sa Đéc, xã Tân Quy Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
<i>Dollar Mỹ (USD)</i>		239.202,25	162.161,10
<i>Euro (EUR)</i>		222,33	222,21
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



HUỖNH VĂN HOÀNG
Kế toán trưởng

Sa Đéc, ngày 10 tháng 08 năm 2010



NGUYỄN QUANG HIỀN
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô 4 - 2, Khu C, Khu công nghiệp Sa Đéc, xã Tân Quý Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

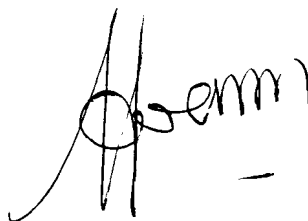
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

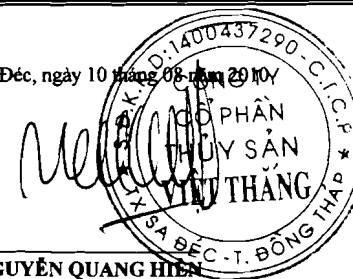
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	518.704.618.462	442.387.141.222	1.036.263.724.293	749.145.748.281
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	8.555.768.279	12.357.504.697	8.717.068.304	14.864.001.549
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	510.148.850.183	430.029.636.525	1.027.546.655.989	734.281.746.732
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	484.260.613.918	396.338.957.668	978.195.219.401	689.639.649.713
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.888.236.265	33.690.678.857	49.351.436.588	44.642.097.019
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.187.726.688	247.000.657	1.554.263.799	482.953.892
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	22.752.517.710	17.191.358.920	39.911.400.838	23.883.653.653
Trong đó: chi phí lãi vay	23		9.873.918.943	4.575.905.187	14.171.592.412	8.324.343.155
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	1.912.576.323	1.053.081.626	3.597.491.294	1.705.108.274
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	3.908.076.043	3.350.865.269	8.199.760.396	6.588.021.876
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.497.207.123)	12.342.373.699	(802.952.141)	12.948.267.108
11. Thu nhập khác	31	VI.7	193.161.474	338.731.850	435.119.492	516.612.825
12. Chi phí khác	32	VI.8	385.843.134	17.700.000	407.690.230	17.700.000
13. Lợi nhuận khác	40		(192.681.660)	321.031.850	27.429.262	498.912.825
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.689.888.783)	12.663.405.549	(775.522.879)	13.447.179.933
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	10.479.821	1.150.446.954	332.597.945	1.302.450.565
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.13				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1.700.368.604)	11.512.958.595	(1.108.120.824)	12.144.729.368
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(94)	639	(61)	674


HUỖNH VĂN HOÀNG
Người lập biểu

HUỖNH VĂN HOÀNG
Kế toán trưởng

Sa Đéc, ngày 10 tháng 08 năm 2010

NGUYỄN QUANG HIẾN
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô 4 - 2, Khu C, Khu công nghiệp Sa Đéc, xã Tân Quy Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
1	2	3	Năm nay	Năm trước
4	5			
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(775.522.879)	13.447.179.933
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9, V.10	8.091.612.355	7.187.310.595
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3, VI.4	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	231.428.574	-
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	14.171.592.412	8.324.343.155
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		21.719.110.462	28.958.833.683
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(104.112.054.134)	(248.229.812.941)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(72.877.239.014)	(42.993.018.803)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(160.029.608.095)	7.161.641.204
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(741.750.450)	(514.249.385)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.17, VI.4	(14.171.592.412)	(9.327.060.032)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.16	(2.212.165.488)	(923.055.361)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		26.688.046.953	778.953.132
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(27.592.979.075)	(2.602.637.054)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(333.330.231.253)	(267.690.405.557)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.10, V.11	(7.692.254.020)	(3.335.842.840)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		150.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.542.254.020)	(3.335.842.840)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô 4 - 2, Khu C, Khu công nghiệp Sa Đéc, xã Tân Quy Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

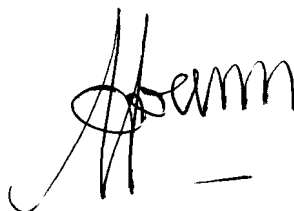
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

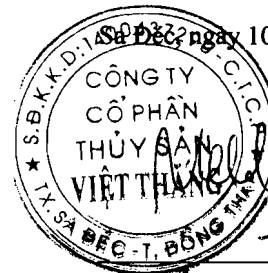
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	112.000.000.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	517.608.245.961
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.14,V.19	788.232.357.046	(349.571.158.048)
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.14,V.19	(464.084.758.564)	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21	(18.025.509.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		306.122.089.482	280.037.087.913
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(34.750.395.791)	9.010.839.516
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	48.234.894.031	23.287.587.846
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		114.546.577	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	13.599.044.817	32.298.427.362



HUỖNH VĂN HOÀNG
Người lập biểu



HUỖNH VĂN HOÀNG
Kế toán trưởng



Sa Đéc, ngày 10 tháng 08 năm 2010

NGUYỄN QUANG HIỀN
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô 4-2, khu C, khu công nghiệp Sa Đéc, xã Tân Quy Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất thức ăn thủy sản, gia súc gia cầm; mua bán nguyên liệu chế biến thức ăn thủy sản, gia súc gia cầm.
4. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Trong quý 2/2010 công ty đã chia cổ tức năm 2009 cho cổ đông hiện hữu và trích lập các quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 ngày 24/04/2010.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là năm tài chính thứ 8 của Công ty.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô 4-2, khu C, khu công nghiệp Sa Đéc, xã Tân Quy Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc và thiết bị	5 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 – 10

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (47 năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô 4-2, khu C, khu công nghiệp Sa Đéc, xã Tân Quy Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất tại Châu Thành Đồng Tháp là tiền mà Công ty chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được sử dụng vô thời hạn nên không khấu hao.

Phần mềm quản lý tổng thể

Phần mềm quản lý tổng thể là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm quản lý tổng thể được khấu hao trong 4 năm, bắt đầu từ năm 2008.

Bản quyền chương trình tổ hợp khấu phần

Toàn bộ chi phí bỏ ra để có bản quyền chương trình tổ hợp khấu phần. Bản quyền chương trình tổ hợp khấu phần được khấu hao trong 5 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 2 năm.

9. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Chi phí phải trả bao gồm cả khoản trích trước chiết khấu, hoa hồng bán hàng sẽ được giảm trừ trên hóa đơn cho số lượng hàng hóa đã tiêu thụ hoặc chi bằng tiền mặt trong năm.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty chỉ bao gồm Vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô 4-2, khu C, khu công nghiệp Sa Đéc, xã Tân Quy Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động sản xuất thức ăn thủy sản, mua bán nguyên liệu chế biến thức ăn thủy sản, gia súc với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế và các hoạt động khác với thuế suất 25%. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo.

Năm 2004 là năm đầu tiên Công ty kinh doanh có lãi.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền và các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xóa số dư vào đầu năm sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô 4-2, khu C, khu công nghiệp Sa Đéc, xã Tân Quy Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2009 : 17.941 VND/USD
: 27.010 VND/EUR
30/06/2010 : 18.544 VND/USD
: 23.468 VND/EUR

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	129.809.326	1.293.343.447
Tiền gửi ngân hàng	13.469.235.491	46.941.550.584
Cộng	13.599.044.817	48.234.894.031

Chi tiết tiền gửi ngân hàng cuối kỳ

	<u>Nguyên tệ</u>	<u>Quy đổi VNĐ</u>
Tiền gửi VNĐ		9.028.074.110
Tiền gửi USD	239.202,25	4.435.766.523
Tiền gửi EUR	222,33	5.394.858
Cộng		13.469.235.491

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô 4-2, khu C, khu công nghiệp Sa Đéc, xã Tân Quy Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần nuôi trồng thủy sản Hùng Vương Miền Tây	54.496.590.866	39.194.699.508
Lê Văn Hậu	-	182.950.167
Nguyễn Lê Thanh	-	1.592.971.159
Lâm Chí Nguyễn	3.274.547.160	-
Chi nhánh Công ty cổ phần Thủy Sản Số 4 – Đồng Tâm	6.397.197.765	-
Công ty TNHH xuất nhập khẩu thủy sản Thiên Mã	21.200.551.690	20.146.368.532
Lê Thị Cẩm Nhung	7.200.003.015	6.526.466.204
Huỳnh Thị Ngộ	17.535.534.545	3.950.539.099
Nguyễn Thị Xuân Vân	2.978.356.010	2.978.356.010
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Phước Anh	7.854.575.156	12.921.579.652
Lê Dương Thiện	97.510.035	14.820.964.470
Nguyễn Thành Công	10.480.145.313	19.690.946.350
Huỳnh Thị Cẩm Vân	-	8.975.767.676
Chi nhánh Công ty cổ phần Docimexco - Docifish	5.606.023.141	7.716.560.651
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn I	12.613.477.630	5.567.453.971
Công ty TNHH Hùng Cá	1.947.566.145	4.026.120.461
Công ty cổ phần Hùng Vương	9.147.709.905	-
Công ty cổ phần XNK Thủy sản An Giang	14.767.535.589	13.220.302.264
Trần Lê Tuấn Dũng	6.983.807.847	-
Các khách hàng khác	35.851.514.185	22.110.885.080
Cộng	218.432.645.997	170.402.628.990

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH cơ khí xây dựng thương mại Tân Hoàng Tuấn	18.069.305.650	15.240.902.350
Công ty TNHH Nhật Minh	2.084.132.000	2.070.932.000
Andritz Technologies Ltd	2.781.600.000	-
Bunger Aribusiness Singapore Pte Ltd	33.679.406.071	-
Các nhà cung cấp khác	4.639.916.952	2.539.461.653
Cộng	61.254.360.673	19.851.296.003

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng chưa kê khai	4.830.000	699.944.074
Phải thu tiền bồi thường bảo hiểm	919.935.000	1.183.427.040
Cty CP Thức Ăn TS Hùng Vương Tây Nam (*)	7.402.506.040	-
Phải thu khác	737.405.064	376.363.560
Cộng	9.064.676.104	2.259.734.674

(*) Khoản phải thu khác của Cty CP Thức ăn thủy sản Hùng Vương Tây Nam là khoản phải thu về nguyên liệu bã đậu nành xuất cho mươn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô 4-2, khu C, khu công nghiệp Sa Đéc, xã Tân Quy Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi đường	44.407.472.384	120.188.519.740
Nguyên liệu, vật liệu	248.378.256.979	107.900.097.680
Thành phẩm	20.279.831.617	12.474.735.465
Chi phí SXKD dở dang	375.030.919	-
Cộng	313.440.591.899	240.563.352.885

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Lũy kế tăng từ đầu năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD lũy kế từ đầu năm</u>	<u>Số cuối quý</u>
Chi phí bảo hiểm	178.000.000	86.053.409	(187.007.952)	77.045.457
Tiền thuê đất và phí sử dụng hạ tầng	-	511.137.501	(255.568.752)	255.568.749
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	277.837.391	1.217.252.323	(502.212.823)	992.876.891
Cộng	455.837.391	1.814.443.233	(944.789.527)	1.325.491.097

7. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	402.000.000	1.180.637.550
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.810.893.541	4.667.296.000
Cộng	2.212.893.541	5.847.933.550

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	56.865.973.360	97.182.333.272	14.447.554.732	3.171.696.529	171.667.557.893
Mua sắm mới		3.811.271.710		81.444.435	3.892.716.145
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành					
Tăng khác		-			
Giảm nguyên giá do thanh lý		(635.714.286)			(635.714.286)
Số cuối kỳ	56.865.973.360	100.357.890.696	14.447.554.732	3.253.140.964	174.924.559.752
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	64.839.307	403.756.089	160.000.000	257.852.660	886.448.056
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	8.058.529.567	26.143.940.840	4.112.122.484	1.125.204.626	39.439.797.517
Khấu hao trong kỳ	1.679.159.676	5.003.609.980	756.238.090	200.545.397	7.639.553.143
Số cuối kỳ	9.737.689.243	31.147.550.820	4.868.360.574	1.325.750.023	47.079.350.660

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô 4-2, khu C, khu công nghiệp Sa Đéc, xã Tân Quy Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	48.807.443.793	71.038.392.432	10.335.432.248	2.046.491.903	132.227.760.376
Số cuối kỳ	47.128.284.117	69.210.339.876	9.579.194.158	1.927.390.941	127.845.209.092

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Phần mềm quản lý tổng thể	Bản quyền, bằng sáng chế	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	7.892.518.524	23.000.000	185.250.000	99.726.000	8.200.494.524
Mua trong kỳ	954.750.000	-	-	234.000.000	1.188.750.000
Số cuối kỳ	8.847.268.524	23.000.000	185.250.000	333.726.000	9.389.244.524
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	23.000.000	-	-	23.000.000
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	301.557.447	23.000.000	92.625.000	21.607.300	438.789.747
Khấu hao trong kỳ	87.694.650	-	23.156.250	86.922.600	197.773.500
Số cuối kỳ	389.252.097	23.000.000	115.781.250	108.529.900	636.563.247
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	7.590.961.077	-	92.625.000	78.118.700	7.761.704.777
Số cuối kỳ	8.458.016.427	-	69.468.750	225.196.100	8.752.681.277

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Long An.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	1.987.874.204	2.822.773.005	(3.471.226.129)	1.339.421.080
XDCB dở dang	3.073.768.604	3.460.920.249	(201.679.250)	6.333.009.603
- Công trình Nhà máy khu C mở rộng	3.073.768.604	3.355.609.219	(201.679.250)	6.227.698.573
- Thi công móng bồn dầu cá Lai Vung		105.311.030		105.311.030
Cộng	5.061.642.808	6.283.693.254	(3.672.905.379)	7.672.430.683

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
Công cụ, dụng cụ	643.845.811	282.963.594	(410.866.850)	515.942.555
Cộng	643.845.811	282.963.594	(410.866.850)	515.942.555

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô 4-2, khu C, khu công nghiệp Sa Đéc, xã Tân Quy Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	1.955.772.367
Phát sinh trong kỳ	-
Hoàn nhập trong kỳ	-
Số cuối kỳ	1.955.772.367

13. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	422.118.424.007	93.994.609.220
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sa Đéc, Đồng Tháp ^(a)	142.620.088.496	39.434.198.596
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Long An ^(b)	133.462.899.269	54.560.410.624
Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam - Sở giao dịch 1 ^(c)	8.893.702.400	-
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Hồng Kông và Thượng Hải (Việt Nam) ^(d)	96.594.029.274	-
Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Cần Thơ ^(e)	40.547.704.568	-
Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp ^(f)	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	4.440.000.006	8.880.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Long An (xem thuyết minh số V.19)	4.440.000.006	8.880.000.000
Cộng	426.558.424.013	102.874.609.220

(a) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sa Đéc, Đồng Tháp để bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của Công ty là nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Việt Thắng tại Lai Vung và nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Việt Thắng tại Lô 4-2, Khu C, Khu Công nghiệp Sa Đéc và tín chấp.

(b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Long An để bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay của dự án Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Việt Thắng tại Lô II-1, II-2, II-3. Khu C mở rộng - KCN Sa Đéc, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp và tín chấp.

(c) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam - Sở giao dịch 1 để bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng thế chấp nguyên liệu lúa mì hình thành từ vốn vay.

(d) Khoản vay Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Hồng Kông và Thượng Hải (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng thế chấp nguyên liệu luân chuyển trong kho.

(e) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng thế chấp nguyên liệu khô dầu đậu nành hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô 4-2, khu C, khu công nghiệp Sa Đéc, xã Tân Quy Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay sau:**

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	93.994.609.220	788.232.357.046	-	(459.644.912.721)	(463.629.538)	422.118.424.007
Vay dài hạn đến hạn trả	8.880.000.000	-	-	(4.439.999.994)		4.440.000.006
Cộng	102.874.609.220	788.232.357.046	-	(464.084.912.715)	(463.629.538)	426.558.424.013

14. Phải trả người bán

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty TNHH sản xuất & thương mại Toàn Thắng Plastics	4.979.650.951	4.844.166.947
Công ty TNHH Minh Tâm	-	3.614.145.909
Công ty TNHH Minh Huy	100	7.396.278.362
Công ty TNHH thương mại, dịch vụ nông sản Việt	7.826.557.935	3.855.600.000
Bunge Aribusiness Singapore Pte Ltd	-	67.632.353.475
Louis Dreyfus Commodities Asia Pte Ltd	-	18.671.457.050
Deesan Agro – Tech Ltd	-	7.352.157.392
Cơ Sở Khai Anh	-	7.205.232.458
Nguyễn Thị Ánh Sáng	-	6.717.543.546
Công ty TNHH Thương Mại Quang Dũng	-	4.870.393.500
Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Sản xuất Sinh Việt	-	4.071.317.589
Công ty TNHH MTV Nhật Tiến	3.330.008.272	526.275.750
Công ty TNHH SX & TM Việt Hưng	4.222.239.903	3.388.878.990
Công ty TNHH Thanh Khôi	2.793.619.238	-
DNTN Việt Tiến Bạc Liêu	4.363.861.037	-
Công ty TNHH Cao Trí	7.489.462.205	-
Các nhà cung cấp khác	7.163.906.611	22.931.299.504
Cộng	42.169.306.252	163.077.100.472

15. Người mua trả tiền trước

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty cổ phần XNK thủy sản An Giang	-	5.419.381.896
Công ty cổ phần thủy sản NTSF	8.181.518	3.000.371.842
Công ty cổ phần thực phẩm NTSF	537.072	2.234.026.655
Nguyễn Thái Học		1.053.158.357
Trần Lê Tuấn Dũng	-	874.036.753
Các khách hàng khác	478.932.793	3.657.568.229
Cộng	487.651.383	16.238.543.732

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô 4-2, khu C, khu công nghiệp Sa Đéc, xã Tân Quy Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	614.141	614.141	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	699.944.074	31.792.569.197	32.492.513.271	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	34.397.238	34.397.238	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	927.241.901	332.597.945	2.212.165.488	(952.325.642)
Các loại thuế khác	72.528.697	357.037.922	370.263.641	59.302.978
Cộng	1.699.714.672	32.517.216.443	35.109.953.779	(893.022.664)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 5%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.14.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong quý được dự tính như sau:

	Năm nay (Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý)	Năm trước (Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(775.522.879)	13.447.179.933
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(3.329.826.426)	12.465.313.216
- Lợi nhuận khác	2.554.303.547	981.866.717
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	678.481.257	837.430.947
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	(97.041.622)	14.284.610.880
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh	(2.039.190.575)	12.964.012.313
- Thu nhập khác	1.942.148.953	1.320.598.567
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Hoạt động kinh doanh	15%*50%	15%*50%
- Hoạt động khác	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	332.597.945	1.302.450.565
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	332.597.945	1.302.450.565

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô 4-2, khu C, khu công nghiệp Sa Đéc, xã Tân Quy Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền thuê đất

Công ty phải trả tiền thuê đất cho các hợp đồng thuê đất sau:

- Hợp đồng thuê lại đất của Công ty đầu tư phát triển nhà và Khu công nghiệp Đồng Tháp trong thời gian 46 năm kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2002.

- Tổng diện tích đất thuê 6.811 m²

- Giá thuê 0.3 USD/m²/năm

Công ty được miễn 50% tiền thuê đất trong 5 năm đầu tính từ ngày khởi công phân xưởng chính.

- Hợp đồng thuê lại đất của Công ty Thương Nghiệp xuất nhập khẩu tổng Hợp Đồng Tháp trong thời gian 45 năm kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2005.

- Tổng diện tích đất thuê 64.575,1 m²

- Giá thuê 0.3 USD/m²/năm

Công ty được miễn 100% tiền thuê đất trong 7 năm đầu tính từ ngày khởi công phân xưởng chính.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hoa hồng, khuyến mãi, hỗ trợ	28.616.340	257.944.467
Chiết khấu bán hàng	6.303.517.793	25.819.020.430
Chi phí phải trả khác	-	110.000.000
Cộng	6.332.134.133	26.186.964.897

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	367.093.650	364.553.000
Công ty TNHH TM Quang Dũng	-	10.479.227.500
Công ty Cổ phần Greenfeed Việt Nam	-	4.492.084.000
Phải trả tiền hàng	3.740.927.068	65.495.226
Phải trả khác	4.059.316.934	577.500.105
Cộng	8.167.337.652	15.878.859.831

19. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Long An để đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Việt Thắng tại khu C mở rộng, Khu công nghiệp Sa Đéc, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ tài sản (máy móc thiết bị) đã hình thành và / hoặc hình thành trong tương lai thuộc dự án đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Việt Thắng tại khu C mở rộng, Khu công nghiệp Sa Đéc, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

Từ 1 năm trở xuống	-
Trên 1 năm đến 5 năm	17.795.383.474
Trên 5 năm	-
Tổng nợ	17.795.383.474

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô 4-2, khu C, khu công nghiệp Sa Đéc, xã Tân Quy Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết phát sinh trong năm của khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	17.795.383.474
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	-
Số tiền vay đã trả trong kỳ	-
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	-
Số cuối kỳ	17.795.383.474

20. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu quý	502.872.100
Số trích lập trong kỳ	-
Giảm khác	(9.827.500)
Số cuối kỳ	493.044.600

21. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	94.255.090.000	-	-	-	4.577.581.564	1.041.669.288	99.874.340.852
Tăng vốn trong năm	86.000.000.000	71.000.000.000	-	-	-	-	157.000.000.000
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	40.658.095.918	40.658.095.918
Tăng khác	-	-	(537.779.112)	-	-	-	(537.779.112)
Số dư cuối năm trước	180.255.090.000	71.000.000.000	(537.779.112)	-	4.577.581.564	41.699.765.206	296.994.657.658
Số dư đầu năm nay	180.255.090.000	71.000.000.000	(537.779.112)	-	4.577.581.564	41.699.765.206	296.994.657.658
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	(1.108.120.824)	(1.108.120.824)
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	2.032.904.796	2.032.904.796	(4.065.809.592)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(18.025.509.000)	(18.025.509.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.032.904.796)	(2.032.904.796)
Tăng khác	-	-	537.779.112	-	-	(406.580.909)	131.198.203
Số dư cuối quý nay	180.255.090.000	71.000.000.000	-	2.032.904.796	6.610.486.360	16.060.840.085	275.959.321.241

Cổ tức

Trong quý 2/2010 Công ty đã thực hiện chia cổ tức năm 2009 với tỷ lệ chi trả là 10% vốn điều lệ với số tiền là 18.025.509.000 đồng.

Khoản lợi nhuận còn lại sau khi chi cổ tức đã được trích lập các quỹ theo Nghị Quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2009 vào ngày 24 tháng 04 năm 2010 như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô 4-2, khu C, khu công nghiệp Sa Đéc, xã Tân Quy Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trích bổ sung quỹ dự phòng tài chính 5% với số tiền:	2.032.904.796 đồng
Trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ 5% với số tiền:	2.032.904.796 đồng
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi 5% với số tiền:	2.032.904.796 đồng
<i>Trong đó: Quỹ khen thưởng 3% với số tiền:</i>	<i>1.219.742.878 đồng</i>
<i>Quỹ phúc lợi 2% với số tiền:</i>	<i>813.161.918 đồng</i>
Thù lao HĐQT và BKS năm 2008, 2009 1% với số tiền:	406.580.909 đồng

Cổ phiếu

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.025.509	18.025.509
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>18.025.509</i>	<i>18.025.509</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>18.025.509</i>	<i>18.025.509</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ

1. Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ:

- Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty được ĐHĐCĐ thông qua ngày 26/02/2008 thì hàng năm công ty phải trích 5% lợi nhuận sau thuế để bổ sung Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và trích đến khi nào Quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ. Do năm 2008 lợi nhuận sau thuế của công ty rất thấp nên công ty giữ lại hết ở khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Theo Nghị Quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2010 ngày 24/04/2010, Công ty trích 5% lợi nhuận sau thuế của năm 2009 để bổ sung Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

3. Quỹ khen thưởng phúc lợi trích theo Nghị Quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô 4-2, khu C, khu công nghiệp Sa Đéc, xã Tân Quy Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Tổng doanh thu	518.704.618.462	442.387.141.222
- Doanh thu bán nguyên vật liệu	-	-
- Doanh thu bán thành phẩm	517.388.016.462	442.387.141.222
- Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công	1.316.602.000	-
Các khoản giảm trừ doanh thu:	8.555.768.279	12.357.504.697
- Chiết khấu thương mại	8.555.768.279	12.357.504.697
- Giảm giá hàng bán	-	-
Doanh thu thuần	<u>510.148.850.183</u>	<u>430.029.636.525</u>
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán nguyên vật liệu	-	-
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	508.832.248.183	430.029.636.525
- Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công	1.316.602.000	-

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp (*)	483.286.016.416	396.299.737.728
Giá vốn nguyên vật liệu xuất bán	-	-
Giá vốn dịch vụ gia công	931.459.128	-
Giá vốn nguyên vật liệu, thành phẩm hao hụt	43.138.374	39.219.940
Cộng	<u>484.260.613.918</u>	<u>396.338.957.668</u>

(*) Chi tiết giá vốn thành phẩm cung cấp trong năm như sau:

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	458.131.877.045	364.165.056.473
Chi nhân công trực tiếp	3.995.689.932	3.845.364.343
Chi phí sản xuất chung	26.039.048.382	23.838.381.347
Tổng chi phí sản xuất	488.166.615.359	391.848.802.163
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	675.173.889	-
Tổng giá thành sản xuất	488.841.789.248	391.848.802.163
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	(5.555.772.832)	4.451.416.158
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	<u>483.286.016.416</u>	<u>396.299.737.728</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	-
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	223.550.888	206.712.052
Chiết khấu mua hàng được hưởng	913.574.000	18.294
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	48.601.800	40.270.311
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.000.000	-
Cộng	<u>1.187.726.688</u>	<u>247.000.657</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô 4-2, khu C, khu công nghiệp Sa Đéc, xã Tân Quy Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước
Chi phí lãi vay	9.579.305.902	4.575.905.187
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.878.598.767	12.615.453.733
Chi phí tài chính khác	294.613.041	
Cộng	22.752.517.710	17.191.358.920

5. Chi phí bán hàng

	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước
Chi phí cho nhân viên	647.491.460	395.054.940
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	27.453.691	1.726.191
Chi phí khấu hao tài sản cố định	57.239.358	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	816.709.642	7.777.236
Chi phí hoa hồng, hỗ trợ kỹ thuật	19.239.541	80.498.445
Chi phí khác	344.442.631	568.024.814
Cộng	1.912.576.323	1.053.081.626

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.880.104.087	1.644.220.652
Chi phí vật liệu quản lý	54.018.731	
Chi phí đồ dùng văn phòng	204.900.421	249.118.180
Chi phí khấu hao tài sản cố định	420.494.338	263.024.928
Thuế, phí và lệ phí	337.500	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	995.445.748	628.179.218
Chi phí khác	352.775.218	566.322.291
Cộng	3.908.076.043	3.350.865.269

7. Thu nhập khác

	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước
Thu bán phế liệu	42.500.003	338.730.850
Thu từ thanh lý lò hơi	150.000.000	-
Thu nhập khác	661.471	1.000
Cộng	193.161.474	338.731.850

8. Chi phí khác

	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước
Phạt do vi phạm hợp đồng	-	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	4.369.066	2.200.000
Xử lý công nợ không thu hồi	-	-
Giá trị còn lại của lò hơi thanh lý	381.428.574	-
Chi phí khác	45.494	15.500.000
Cộng	385.843.134	17.700.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô 4-2, khu C, khu công nghiệp Sa Đéc, xã Tân Quy Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-	-

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	-	-
Ảnh hưởng của phát hành cổ phiếu thưởng	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	-	-

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	479.202.730.086	381.925.735.966
Chi phí nhân công	8.411.950.555	7.183.250.090
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.242.812.977	3.596.986.724
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.718.181.208	1.503.640.405
Chi phí khác	1.018.225.916	2.043.135.873
Cộng	495.593.900.742	396.252.749.058

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Hội đồng quản trị		
Bán thành phẩm	107.129	236.243.385

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị	107.129	-
Cộng nợ phải thu	107.129	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô 4-2, khu C, khu công nghiệp Sa Đéc, xã Tân Quy Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Tiền lương	521.987.000	503.330.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	33.760.000	38.700.000
Phụ cấp	6.150.000	9.669.231
Tiền thưởng	1.361.539	2.500.000
Cộng	563.258.539	554.199.231

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần nuôi trồng thủy sản Hùng Vương Miền Tây	Công ty sở hữu 31,23% vốn điều lệ.
Công ty cổ phần Hùng Vương	Công ty có thành viên Hội đồng quản trị sở hữu 0,55% vốn điều lệ
Doanh nghiệp tư nhân Việt Tiến Bến Tre	Công ty có thành viên Hội đồng quản trị sở hữu 3,08% vốn điều lệ
Công ty TNHH Cao Trí	Công ty có thành viên Hội đồng quản trị sở hữu 4,73% vốn điều lệ
Công ty TNHH Minh Huy	Công ty có thành viên Hội đồng quản trị sở hữu 4,02% vốn điều lệ

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
<i>Công ty cổ phần nuôi trồng thủy sản Hùng Vương Miền Tây</i>		
Bán thành phẩm	29.673.091.877	78.354.458.410
<i>Doanh nghiệp tư nhân Việt Tiến Bến Tre</i>		
Bán thành phẩm	-	3.070.066.539
Mua nguyên vật liệu	6.794.030.807	5.649.976.296
<i>Công ty TNHH Cao Trí</i>		
Bán thành phẩm	5.516.088.715	4.104.844.422
Mua nguyên vật liệu	19.202.120.959	22.024.861.962
<i>Công ty TNHH Minh Huy</i>		
Mua nguyên vật liệu	2.169.716.904	35.410.308.290

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty cổ phần nuôi trồng thủy sản Hùng Vương Miền Tây</i>		
Phải thu bán hàng	54.496.590.866	39.194.699.508
<i>Công ty cổ phần Hùng Vương</i>		
Phải thu bán hàng	9.147.709.905	2.411.760.477

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô 4-2, khu C, khu công nghiệp Sa Đéc, xã Tân Quy Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Cao Trí		
Phải thu bán hàng	2.628.079.013	3.345.907.132
Cộng nợ phải thu	<u>66.272.379.784</u>	<u>44.952.367.117</u>

Công ty TNHH Cao Trí		
Phải trả mua nguyên vật liệu	7.489.462.205	-

Công ty TNHH Minh Huy		
Phải trả mua nguyên vật liệu	100	7.396.278.362
Cộng nợ phải trả	<u>7.489.462.305</u>	<u>7.396.278.362</u>

2. Chi phí lãi vay

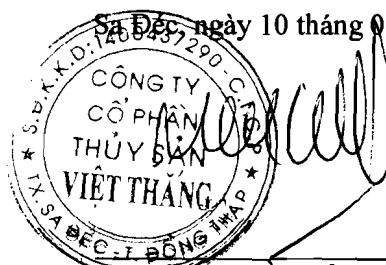
Chi tiết phân bổ chi phí lãi vay phát sinh trong năm như sau:

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Chi phí lãi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh	9.873.918.943	4.575.905.187
Chi phí lãi vay được vốn hóa		
Tổng chi phí lãi vay	<u>9.873.918.943</u>	<u>4.575.905.187</u>

Tỷ lệ vốn hóa	0,00 %	0,00 %
---------------	--------	--------



Huỳnh Văn Hoàng
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Hiền
Tổng Giám đốc